

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÂM ĐỒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHI CỤC KIỂM LÂM

Số: 2752 /CCKL-QLR

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 10 năm 2026

V/v ý kiến thẩm định Phương án quản lý
rừng bền vững của Công ty TNHH
Quyết Thắng

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Công văn số 15137/SNNMT-KL ngày 08/10/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị góp ý thẩm định Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2026-2035 của Công ty TNHH Quyết Thắng (sau đây gọi là Công ty), Chi cục Kiểm lâm có ý kiến như sau:

1. Về đặc điểm hiện trạng và kết quả thực hiện dự án

- Bổ sung kết quả thực hiện Dịch vụ môi trường rừng giai đoạn 2023-2025¹; rà soát thống nhất diện tích đất, rừng theo các quyết định cho thuê đất, thuê rừng²; đánh giá tiềm năng DVMTR, các-bon, du lịch và khả năng, nhu cầu thực hiện.

- Về hiện trạng quản lý, sử dụng đất, đề nghị bổ sung biên bản bàn giao diện tích đất, rừng bị thu hồi³; hồ sơ điều chỉnh hợp đồng thuê đất, thuê rừng và đăng ký biến động đất đai sau thu hồi; thống nhất diện tích, cơ cấu loại đất, hiện trạng với hồ sơ pháp lý; đánh giá cụ thể kết quả sử dụng đất theo từng hạng mục, diện tích chưa đưa vào sử dụng và kết quả khắc phục các tồn tại về quản lý, sử dụng đất, tiến độ thực hiện dự án sau thu hồi.

- Đối với hiện trạng tài nguyên rừng, đề nghị đối chiếu hiện trạng rừng được thẩm định⁴ với kết quả theo dõi diễn biến rừng năm 2025 trên cùng phạm vi 144,98 ha đất quản lý sau thu hồi; xác định nguyên nhân chênh lệch 8,77 ha rừng tự nhiên và biến động diện tích theo từng trạng thái rừng. Đối với 11,12 ha cây Tùng cảnh trồng xen nông nghiệp, đề nghị xác định vị trí, nguồn gốc, thời gian trồng, nguồn vốn và cơ sở pháp lý thực hiện⁵. Đồng thời, bổ sung nguồn số liệu, phương pháp điều tra, tính toán trữ lượng và trữ lượng bình quân theo trạng thái rừng, loài cây, năm trồng; rà soát trữ lượng rừng hỗn giao gỗ, tre nứa, bảo đảm cơ sở xây dựng kế hoạch quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng giai đoạn 2026–2035.

¹ Gồm loại dịch vụ, diện tích được chi trả từng năm, số tiền thực nhận và tình hình sử dụng nguồn thu.

² Theo quyết định cho thuê đất dự án diện tích quản lý 144,98 ha, có rừng 139,16 ha, tuy nhiên có lúc trình bày diện tích là 195,42 ha.

³ Theo Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 25/8/2023.

⁴ Tại Văn bản số 3052/TĐ-SNN ngày 23/12/2022.

⁵ Do nội dung này chưa được thể hiện trong Giấy chứng nhận đầu tư.

- Bổ sung số lượng, vị trí, diện tích, nguồn vốn và tình trạng sử dụng phương tiện, thiết bị phục vụ bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng. Đối chiếu kết quả đầu tư đến năm 2026 với mục tiêu, quy mô, tiến độ dự án được phê duyệt; bổ sung diện tích, khối lượng, kinh phí thực hiện công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng, PCCCR giai đoạn 2023-2025. Đồng thời, bổ sung kết quả thực hiện phương án cải tạo 85,52 ha rừng tự nhiên nghèo kiệt⁶.

- Đánh giá cụ thể kết quả tuần tra, bảo vệ rừng, chăm sóc rừng trồng, PCCCR và phòng trừ sâu bệnh giai đoạn 2023–2025 theo diện tích, khối lượng, kinh phí thực hiện; rà soát, thống nhất số vụ cháy; xác định vị trí, diện tích, hiện trạng và khả năng phục vụ PCCCR của 04 hồ nước; đánh giá kết quả quản lý, bảo vệ và khai thác lâm sản ngoài gỗ.

- Về kết quả sản xuất kinh doanh, đánh giá cụ thể kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023-2025⁷; xác định vốn đầu tư đã thực hiện theo hạng mục; đánh giá hiệu quả đầu tư, sản xuất kinh doanh và những thuận lợi, khó khăn.

2. Về mục tiêu, nội dung và hiệu quả Phương án

- Thống nhất phạm vi 144,98 ha, kiểm tra chỉ tiêu doanh thu dưỡng lão⁸; cơ sở nguồn thu DVMTR 201,8 triệu đồng/năm; tính khả thi mục tiêu trồng mới 4,28 ha. Rà soát chỉ tiêu độ che phủ rừng dự kiến 92,82%, thấp hơn hiện trạng 95,99%, thống nhất với mục tiêu không làm giảm diện tích có rừng và kế hoạch sử dụng đất trong kỳ Phương án.

- Về kế hoạch sử dụng đất, đề nghị xác định cụ thể vị trí, diện tích, hiện trạng đất, rừng và các hạng mục dự kiến bố trí 10,41 ha đất rừng sản xuất đề xuất chuyển sang mục đích khác⁹; đối chiếu với mục tiêu, quy mô, nội dung dự án tại Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, phạm vi đất được thuê và các quy hoạch có liên quan, bảo đảm phù hợp với kế hoạch sử dụng đất đến năm 2035.

- Điều chỉnh nội dung tại mục 1 về diện tích 140,88 ha đất lâm nghiệp để thống nhất với mục 2 và bảng kế hoạch sử dụng đất đến năm 2035¹⁰; xác định cơ sở bố trí các loại đất, bảo đảm phù hợp với hiện trạng tài nguyên rừng, mục tiêu quản lý rừng bền vững và các hoạt động dự kiến trong kỳ Phương án. Đối với 3,76 ha đất có cây nông nghiệp chưa giải tỏa, xác định phương án sử dụng và kế hoạch trồng rừng sau khi giải quyết tranh chấp.

- Giải trình nguyên nhân rừng trồng bố trí bảo vệ giảm từ 58,84 ha năm 2026 xuống còn 49,97 ha từ năm 2027. Đối với công tác PCCCR, xác định khu vực trọng điểm cháy, khối lượng đường băng cản lửa, xử lý vật liệu cháy, công trình, thiết bị, lực lượng và kinh phí thực hiện; bảo đảm các điều kiện an toàn

⁶ Theo Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 12/01/2009.

⁷ Gồm sản lượng, doanh thu, chi phí và lợi nhuận từng năm.

⁸ Nghỉ dưỡng 22.500 triệu đồng/năm so với 45.000 lượt khách/năm và đơn giá 01 triệu đồng/khách.

⁹ 6,31 ha đất nông nghiệp khác và 4,10 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

¹⁰ Gồm 134,57 ha đất rừng sản xuất, 6,31 ha đất nông nghiệp khác và 4,10 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

khi thực hiện đốt trước có kiểm soát. Xác định khu vực có nguy cơ sinh vật gây hại và cách phòng trừ.

- Đề nghị rà soát, bố trí trồng rừng trên diện tích đủ điều kiện thực hiện. Đối với 47,72 ha rừng Thông ba lá hiện có, căn cứ tuổi rừng, mật độ và tình hình sinh trưởng để xác định biện pháp nuôi dưỡng, tỉa thưa. Loại bỏ Văn bản không liên quan đến dự án¹¹.

- Đối với được liệu dưới tán rừng, xác định loài, diện tích, vị trí, biện pháp trồng, chăm sóc, khai thác và điều kiện bảo vệ rừng.

- Thống nhất việc không đầu tư hạ tầng mới với kế hoạch đường băng cản lửa, công trình PCCCR và 24 biển báo; bổ sung khối lượng, kinh phí sửa chữa, mua sắm. Đối với DVMTR, xác định diện tích, loại rừng, mức chi trả và nguồn thu dự kiến; kế hoạch sử dụng nguồn thu để khoán BVR.

- Về công tác tuyên truyền, thể hiện cụ thể kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ rừng, PCCCR¹².

- Rà soát tổng vốn theo khối lượng, đơn giá và phân bổ từng năm. Xác định cơ sở bảo đảm vốn doanh nghiệp, DVMTR.

3. Về hệ thống bảng biểu và bản đồ

- Về bảng biểu: cập nhật toàn bộ số liệu sau khi thống nhất hiện trạng tài nguyên rừng, bảo đảm đồng bộ giữa thuyết minh, bảng biểu, phụ biểu, bản đồ, nhất là diện tích, trạng thái, trữ lượng, khối lượng, vốn và hạ tầng.

- Về bản đồ: hoàn thiện phạm vi, ranh giới, diện tích, loại, trạng thái rừng và không gian quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; bảo tồn đa dạng sinh học; biện pháp, hạ tầng lâm sinh; công trình PCCCR và nội dung liên quan.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Chi cục Kiểm lâm. Kính đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, yêu cầu Công ty hoàn thiện các nội dung Phương án trước khi xem xét trình phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CCKL;
- Lưu: VT, QLR(D).

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Quốc Đạt

¹¹ Văn bản số 3063/TĐ-SNN ngày 04/12/2024 về hiện trạng rừng của Công ty TNHH Quốc Vương.

¹² Gồm đối tượng, địa bàn, số cuộc tuyên truyền, số hộ dự kiến ký cam kết, số lượng biển báo và kinh phí thực hiện.